

Triển vọng xuất khẩu sản phẩm mây tre đan của các địa phương thuộc vùng núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo

I. Đặc điểm sản phẩm

Trải qua hàng trăm năm hình thành và phát triển, nghề mây tre đan ở nước ta đã có chỗ đứng nhất định trên thị trường, trở thành ngành nghề quan trọng trong nền kinh tế của đất nước. Cùng với quá trình hội nhập thương mại quốc tế, các sản phẩm mây tre đan của Việt Nam đã xuất khẩu đến hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau trên thế giới.

Hiện nay, cả nước có khoảng trên 1.000 làng nghề mây tre đan, chiếm 24% tổng số các làng nghề trong cả nước. Trong đó khu vực phía Bắc và miền Trung tập trung nhiều về các sản phẩm mây tre lá và cói, còn khu vực Tây Nam Bộ tập trung nhiều các sản phẩm về bèo tây, lá buông. Lĩnh vực này không chỉ đóng góp giá trị xuất khẩu mà còn góp phần giải quyết việc làm cho nhiều lao động nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số.

Các làng nghề mây, tre nổi tiếng ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa có thể kể đến là: Mây tre đan Bao La thuộc Quảng Phú, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế; Hợp tác xã Mây tre đan Vân Sơn tại xã Kim Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình; Làng nghề mây tre đan Hoàng Thịnh, Hoàng Hóa, Thanh Hóa; Làng nghề mây tre đan Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An; Làng nghề mây tre đan Phú Lễ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; Làng nghề mây tre đan Đỗ Xuyên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ...

Mây tre đan Bao La

Mây tre đan Bao La thuộc Quảng Phú, Quảng Điền, Thừa Thiên Huế là một làng nghề truyền thống đã có từ lâu đời trên 600 năm. Trước đây, làng nghề chủ yếu sản xuất các dụng cụ bằng mây tre phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và sinh hoạt hàng ngày như rổ rá, dầm sàng... Đến nay làng nghề đã sản xuất trên 500 mẫu mã khác nhau về chủng loại...

Trung bình, mỗi năm Hợp tác xã thiết kế và giới thiệu từ 7-10 mẫu mới. Ngoài những sản phẩm phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp của người dân, Hợp tác xã đã sản xuất các loại lồng đèn, túi xách, bình hoa, nan quạt, lồng chim, bàn ghế và các vật dụng phục vụ trong các khách sạn, nhà hàng.

Các sản phẩm mây tre Bao La đã trở thành thương hiệu có tiếng trên thị trường mây tre trong nước và cả nước ngoài. Mỗi tháng HTX sản xuất hơn 5.000 sản phẩm các loại, đầu ra chủ yếu là thị trường Trung Quốc và phân phối trong nước. Ngoài ra, thông qua các đầu mối lớn, sản phẩm của làng đã có mặt tại thị trường Thái Lan, Mỹ, các nước Châu Âu.

Hợp tác xã Mây tre đan Vân Sơn

Hợp tác xã Mây tre đan Vân Sơn, thuộc thôn Kim Trung, xã Kim Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình được thành lập năm 2013. Đến nay, HTX Vân Sơn đã ổn định vùng nguyên liệu, tập trung sản xuất các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, đó là: hàng thủ công mỹ nghệ mây, tre đan, chế biến nguyên liệu song mây, mua các sản phẩm từ mây, tre với quy mô 3.500 – 5.000 sản phẩm/năm.

Sản phẩm mây tre đan Vân Sơn đã tìm được chỗ đứng trên thị trường và dần khẳng định thương hiệu. Thị trường tiêu thụ cũng được trải dài từ Hà Nội vào tận vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Hàng năm, HTX Vân Sơn cũng phối hợp với các địa phương trong huyện và mở rộng sang huyện Minh Hóa tổ chức nhiều lớp dạy nghề cho lao động nông thôn, qua đó tạo tiền đề thành lập các tổ hợp tác liên kết cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm.

Làng nghề mây tre đan Hoằng Thịnh

Làng nghề mây tre đan Hoằng Thịnh, Hoằng Hóa, Thanh Hóa đã có truyền thống hàng trăm năm nay, có tới 80% số hộ tham gia làm nghề, đóng góp 48% vào cơ cấu kinh tế của xã.

Các mặt hàng mây, tre đan ở Hoằng Thịnh ngày càng đa dạng, phong phú, thị trường tiêu thụ được mở rộng. Bên cạnh việc làm mới sản phẩm truyền thống, các nghệ nhân đi sâu nghiên cứu sáng tạo sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng như tranh phong cảnh, hoành phi, rèm, chao đèn...dùng để trang trí nội thất.

Làng nghề mây tre đan Đỗ Xuyên

Làng nghề mây tre đan Đỗ Xuyên thuộc huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ nổi tiếng với nghề thủ công có từ lâu đời. Sản phẩm chính của làng nghề đa dạng mẫu mã, kích thước như: cột làm trần nhà; cột ép, đĩa, bát, bình hoa, khay, mâm nứa dòn sơn mài....

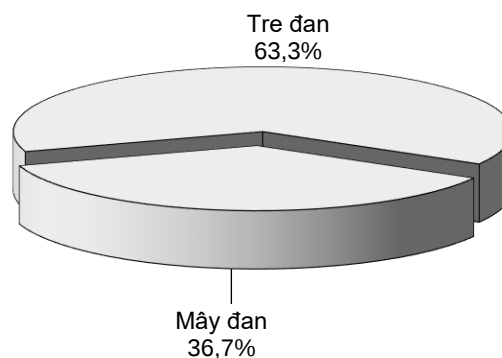
II. Xuất khẩu mây tre đan trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2023

Theo thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu mặt hàng mây tre đan của Việt Nam trong tháng 4/2023 đạt 8,57 triệu USD, giảm 2,7% so với tháng 3/2023 và giảm 43,4% so với tháng 4/2022. Trong đó, xuất khẩu tre đan đạt 5,26 triệu USD, giảm 9,9% so với tháng 3/2023 và giảm 47,8% so với tháng 4/2022; mây đan đạt 3,31 triệu USD, tăng 11,6% so với tháng 3/2023, nhưng giảm 34,4% so với tháng 4/2022.

Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sản phẩm mây tre đan đạt 32,485 triệu USD, giảm 40,7% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu tre đan đạt 20,57 triệu USD, giảm 41,1% so với cùng kỳ năm 2022; mây đan đạt 11,91 triệu USD, giảm 39,9%.

Cơ cấu mặt hàng mây tre đan xuất khẩu trong 4 tháng đầu năm 2023

(% tính theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

Sản phẩm mây, tre đan được xuất khẩu chủ yếu sang 2 thị trường là EU và Mỹ, chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Theo thống kê, xuất khẩu sản phẩm mây tre đan sang EU trong tháng 4/2023 đạt 4,16 triệu USD, tăng 23,7% so với tháng 3/2023, nhưng giảm 17,9% so với tháng 4/2022. Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu mây tre đan sang EU đạt 13,81 triệu USD, giảm 27,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Xuất khẩu sản phẩm mây tre đan sang thị trường Mỹ trong tháng 4/2023 đạt 2,075 triệu USD, giảm 23,2% so với tháng 3/2023 và giảm 65,3% so với tháng 4/2022. Tính chung trong 4 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sản phẩm mây tre đan sang Mỹ đạt 9,10 triệu USD, giảm 56,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Thị trường xuất khẩu mây, tre đan của Việt Nam trong tháng 4/2023 và 4 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 4/2023 (nghìn USD)	So với tháng 3/2023 (%)	So với tháng 4/2022 (%)	4 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với 4 tháng năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
						4 tháng năm 2023	4 tháng năm 2022
Tổng	8.569	-2,7	-43,4	32.485	-40,7	100,0	100,0
EU	4.157	23,7	-17,9	13.807	-27,8	42,5	34,9
Pháp	643	-11,3	-43,9	3.059	-37,2	9,4	8,9
Đức	1.087	25,0	-14,2	2.995	-35,1	9,2	8,4
Hà Lan	731	172,1	3,6	2.077	-22,0	6,4	4,9

Thị trường	Tháng 4/2023 (nghìn USD)	So với tháng 3/2023 (%)	So với tháng 4/2022 (%)	4 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với 4 tháng năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
						4 tháng năm 2023	4 tháng năm 2022
<i>Tây Ban Nha</i>	552	29,5	8,2	1.678	3,5	5,2	3,0
<i>Ba Lan</i>	149	-50,3	44,4	840	138,8	2,6	0,6
<i>Thụy Điển</i>	162	-40,5	-43,9	809	-15,2	2,5	1,7
<i>Italia</i>	236	96,4	35,7	619	-13,0	1,9	1,3
<i>Bỉ</i>	223	73,1	-5,7	527	-52,1	1,6	2,0
<i>Đan Mạch</i>	98	30,2	-81,3	476	-73,0	1,5	3,2
<i>Rumani</i>	100	0,9	82,3	330	158,1	1,0	0,2
<i>Hy Lạp</i>	105	155,7	839,1	265	110,6	0,8	0,2
Mỹ	2.075	-23,2	-65,3	9.100	-56,8	28,0	38,5
Nhật Bản	530	-30,5	-49,0	2.823	-20,2	8,7	6,5
Anh	274	-41,0	-23,1	1.415	-22,4	4,4	3,3
Trung Quốc	198	-31,6	-38,2	810	-19,0	2,5	1,8
Canada	121	-22,7	-70,4	648	-65,0	2,0	3,4
UAE	185	-10,1	15,2	585	3,6	1,8	1,0
Australia	135	17,6	-53,0	426	-59,0	1,3	1,9
Hàn Quốc	202	135,3	59,6	358	14,6	1,1	0,6
Ixraen	117	21,5	227,7	285	85,8	0,9	0,3
Đài Loan	82	-8,3	-30,9	267	-27,2	0,8	0,7
Thổ Nhĩ Kỳ	80	125,5	149,3	232	45,2	0,7	0,3
Malaysia	17	-73,2	-66,9	190	11,2	0,6	0,3
Ấn Độ	23	-40,4	257,2	178	-5,9	0,5	0,3
Braxin	50	1,7	-72,6	150	-74,7	0,5	1,1
Ả Rập Xê út	37	-40,1	-83,3	146	-62,2	0,4	0,7
Na Uy	15	-1,6	-	108	3,1	0,3	0,2
Chilê	19	-	-79,4	103	-75,4	0,3	0,8
Achentina	17	-71,6	-30,9	96	-41,1	0,3	0,3
Nga	38	488,9	15,0	96	-76,8	0,3	0,8
Thái Lan	51	1.701,6	82,5	84	18,5	0,3	0,1
Singapore	21	11,8	21,1	63	52,5	0,2	0,1

Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

III. Triển vọng xuất khẩu trong thời gian tới

Nhập khẩu sản phẩm mây tre của EU tăng mạnh

Theo thống kê của Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu mây tre đan và các sản phẩm tết bên khác (HS 46) tăng nhẹ 2,0% trong giai đoạn 2015

– 2019, từ mức kim ngạch 1,90 tỷ USD năm 2015 tăng lên 2,06 tỷ USD trong năm 2019.

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhập khẩu sản phẩm mây tre đan của thế giới giảm nhẹ 0,5%, đạt 2,05 tỷ USD; nhưng đã tăng mạnh trở lại trong năm 2021 đạt 2,835 tỷ USD, tăng 38,3% so với năm 2020. Năm 2022, nhập khẩu sản phẩm mây tre đan của thế giới tăng nhẹ 2,7%, đạt 2,91 tỷ USD. Tính chung trong giai đoạn 2020 – 2022, nhập khẩu sản phẩm mây tre đan của thế giới tăng trưởng bình quân 19,1%/năm.

3 thị trường nhập khẩu nhiều nhất sản phẩm mây, tre, cói, thảm của thế giới là Mỹ, EU và Nhật Bản, chiếm trên 70% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của thế giới. Đáng chú ý, trong khi tỷ trọng nhập khẩu mây tre của EU trong giai đoạn 2015 – 2022 tăng mạnh từ mức 28,9% trong năm 2015 lên mức 39,4% trong năm 2022, thì tỷ trọng nhập khẩu của Nhật Bản có xu hướng giảm từ mức 13,0% trong năm 2015, xuống mức 6,5% trong năm 2022.

Tỷ trọng nhập khẩu mây tre của Mỹ trong giai đoạn 2015 – 2022 dao động nhẹ, từ mức 31,0% trong năm 2015, xuống mức 30,0% trong năm 2022.

Nhập khẩu mây tre đan và các sản phẩm tết bện khác (HS 46) của thế giới trong giai đoạn từ 2015 - 2022

Thị trường	Năm 2015 (nghìn USD)	Năm 2019 (nghìn USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015- 2019 (%)	Năm 2020 (nghìn USD)	Năm 2022 (nghìn USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020- 2022 (%)
Tổng	1.902.859	2.060.286	2,0	2.050.644	2.910.941	19,1
EU	549.758	654.651	4,5	684.935	1.147.827	29,5
<i>Đức</i>	146.018	133.386	-2,2	149.075	234.670	25,5
<i>Pháp</i>	74.830	100.711	7,7	103.478	192.066	36,2
<i>Hà Lan</i>	64.598	81.483	6,0	96.012	138.395	20,1
<i>Tây Ban Nha</i>	47.884	71.708	10,6	64.861	109.772	30,1
<i>Italia</i>	53.051	49.346	-1,8	42.617	93.660	48,2
<i>Ba Lan</i>	24.546	35.519	9,7	37.501	68.348	35,0
<i>Bỉ</i>	29.198	35.014	4,6	33.121	51.820	25,1
<i>Đan Mạch</i>	14.273	20.825	9,9	25.329	40.373	26,3
<i>Thụy Điển</i>	17.530	21.272	5,0	26.244	38.432	21,0
<i>Áo</i>	17.763	20.232	3,3	20.519	30.595	22,1

Thị trường	Năm 2015 (nghìn USD)	Năm 2019 (nghìn USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015- 2019 (%)	Năm 2020 (nghìn USD)	Năm 2022 (nghìn USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020- 2022 (%)
<i>Hy Lạp</i>	6.448	10.184	12,1	8.556	26.121	74,7
<i>Cộng Hoà Séc</i>	9.808	14.659	10,6	13.550	19.395	19,6
<i>Bồ Đào Nha</i>	5.670	9.470	13,7	9.382	15.887	30,1
<i>Hunggary</i>	4.518	6.373	9,0	7.278	15.886	47,7
<i>Rumani</i>	3.231	5.649	15,0	5.962	12.605	45,4
<i>Ai Len</i>	5.152	6.918	7,6	8.145	11.693	19,8
<i>Phần Lan</i>	7.165	7.246	0,3	8.117	10.572	14,1
<i>Slovakia</i>	5.044	5.780	3,5	5.567	8.339	22,4
<i>Lítva</i>	2.962	6.165	20,1	6.692	7.067	2,8
<i>Bungari</i>	1.298	2.130	13,2	2.478	6.123	57,2
<i>Croatia</i>	2.176	3.246	10,5	3.067	4.696	23,7
<i>Slovenia</i>	1.648	1.972	4,6	1.882	3.342	33,3
<i>Látvia</i>	1.742	1.683	-0,9	1.855	2.657	19,7
<i>Estonia</i>	1.331	1.547	3,8	1.620	2.193	16,3
<i>Luxembua</i>	797	1.035	6,8	1.008	1.480	21,2
<i>Síp</i>	779	768	-0,4	711	1.016	19,5
<i>Manta</i>	298	330	2,6	308	624	42,3
Mỹ	589.808	635.063	1,9	596.563	874.665	21,1
Nhật Bản	247.920	208.513	-4,2	185.609	188.800	0,9
Anh	93.150	100.606	1,9	106.434	159.118	22,3
Canada	43.971	40.258	-2,2	33.391	57.332	31,0
Australia	28.959	37.479	6,7	40.018	54.908	17,1
Thụy Sĩ	20.284	21.858	1,9	25.023	36.517	20,8
Hàn Quốc	30.169	31.908	1,4	31.205	29.143	-3,4
Ixraen	10.880	11.217	0,8	16.825	24.176	19,9
Trung Quốc	12.833	18.623	9,8	16.239	23.128	19,3
UAE	18.019	26.248	9,9	40.978	19.303	-31,4
Nga	15.679	18.331	4,0	17.357	17.587	0,7
Thổ Nhĩ Kỳ	10.167	9.270	-2,3	11.274	16.370	20,5
Na Uy	12.083	10.180	-4,2	11.465	16.166	18,7
Mexico	7.054	8.067	3,4	6.862	13.104	38,2
Ả Rập Xê Út	44.564	58.919	7,2	48.423	12.023	-50,2
Braxin	8.362	7.210	-3,6	5.895	11.148	37,5
New Zealand	5.371	6.137	3,4	6.296	10.778	30,8
Chilê	4.829	4.081	-4,1	3.761	10.129	64,1
Đài Loan	11.067	11.011	-0,1	8.423	9.722	7,4
Hồng Kông	6.841	10.034	10,0	7.676	8.085	2,6
Ấn Độ	2.417	5.222	21,2	3.556	7.331	43,6
Malaysia	7.254	4.805	-9,8	4.652	7.305	25,3
Thái Lan	9.066	6.904	-6,6	4.800	7.030	21,0
Nam Phi	7.165	4.929	-8,9	3.715	6.398	31,2
Singapore	4.877	4.696	-0,9	4.193	6.274	22,3
Mali	0	2.208	-	13.662	6.206	-32,6
Maldives	1.737	4.939	29,9	2.171	5.562	60,1

Thị trường	Năm 2015 (nghìn USD)	Năm 2019 (nghìn USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015- 2019 (%)	Năm 2020 (nghìn USD)	Năm 2022 (nghìn USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020- 2022 (%)
Tuynidi	297	2.848	76,0	2.321	4.892	45,2
Qata	9.396	3.651	-21,0	2.695	4.561	30,1
Achentina	2.915	1.542	-14,7	2.038	4.397	46,9
Gana	734	388	-14,7	4.094	2.776	-17,7
Côlombia	1.364	1.323	-0,8	881	2.598	71,7
Kô-eot	6.187	6.111	-0,3	6.140	2.579	-35,2
Panama	1.729	1.400	-5,1	779	2.549	80,9
Burkina Faso	3.540	2.640	-7,1	2.816	2.289	-9,8
Pêru	1.081	1.090	0,2	863	2.110	56,4
Baren	2.289	2.219	-0,8	1.762	1.973	5,8
Serbia	652	951	9,9	1.066	1.969	35,9
Kenya	202	668	34,9	1.104	1.964	33,4
CH Dôminica	748	1.082	9,7	432	1.686	97,6
Môtitania	320	277	-3,5	924	1.670	34,4
Kazakhstan	694	1.395	19,1	2.526	1.667	-18,8
Urugoay	1.044	773	-7,2	990	1.648	29,0
Ukraina	1.712	2.392	8,7	2.550	1.413	-25,6
Irắc	5.578	5.592	0,1	6.380	1.218	-56,3
Marôc	470	768	13,1	703	1.210	31,2
Syria	172	1.003	55,4	734	1.173	26,4
Philipin	1.260	1.709	7,9	4.710	1.147	-50,7
Li Băng	1.604	1.727	1,9	484	1.147	53,9
Ghinê	106	1.181	82,7	587	1.139	39,3
Xômalì	3.482	1.776	-15,5	2.327	1.096	-31,4
Nigê	1.234	1.102	-2,8	1.566	1.062	-17,6
Indonesia	1.890	753	-20,6	661	1.037	25,3

Nguồn: Trung tâm Thương mại Quốc tế

Mỹ giảm nhập khẩu từ Trung Quốc, tăng cường nhập khẩu từ Việt Nam và Ấn Độ

Theo thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, nhập khẩu sản phẩm mây tre đan và các sản phẩm tết bên khác (HS 46) của Mỹ tăng trưởng bình quân 2,4%/năm trong giai đoạn 2015 – 2019, từ mức 532,19 triệu USD trong năm 2015, lên mức 584,99 triệu USD trong năm 2019.

Cùng xu hướng chung, nhập khẩu sản phẩm mây tre của Mỹ trong năm 2020 giảm 7,1% so với năm 2019 do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Năm 2021, nhập khẩu mặt hàng này vào Mỹ tăng mạnh trở lại, đạt 769,93 triệu USD, tăng

41,6% so với năm 2020; nhưng lại giảm 2,4% vào năm 2022, đạt 751,36 triệu USD. Tính chung trong giai đoạn 2020 – 2022, nhập khẩu sản phẩm mây tre của Mỹ tăng trưởng bình quân 17,6%/năm.

Quý I/2023, do ảnh hưởng của lạm phát, suy thoái kinh tế nên nhập khẩu sản phẩm mây tre của Mỹ tiếp tục giảm mạnh, đạt 150,12 triệu USD, giảm 37,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Những thị trường cung cấp nhiều nhất sản phẩm mây tre cho Mỹ là Trung Quốc, Việt Nam, Ấn Độ, Philippin, Indonesia, Mexico. Trong đó, Trung Quốc là thị trường cung cấp nhiều nhất, nhưng tỷ trọng đã giảm mạnh trong thời gian qua, từ mức 61,56% trong năm 2015, giảm mạnh xuống mức 37,56% trong năm 2022 và trong 3 tháng đầu năm 2023 còn 33,27%.

**Nguồn cung sản phẩm mây tre đan và các sản phẩm tết bên khác (HS 46)
cho Mỹ trong giai đoạn 2015 – 2022 và 3 tháng đầu năm 2023**

Thị trường	Năm 2015 (nghìn USD)	Năm 2019 (nghìn USD)	Tăng trưởng giai đoạn 2015- 2019 (%)	Năm 2020 (nghìn USD)	Năm 2022 (nghìn USD)	Tăng trưởng giai đoạn 2020- 2022 (%)	3T/2023 (nghìn USD)	So với 3T/2022 (%)
Tổng	532.186	584.990	2,4	543.713	751.362	17,6	150.116	-37,5
Trung Quốc	327.625	252.504	-6,3	237.320	282.237	9,1	49.940	-48,6
Ấn Độ	31.450	97.843	32,8	88.486	126.264	19,5	27.450	-23,1
Việt Nam	67.726	77.602	3,5	77.010	134.784	32,3	27.194	-40,8
Philippin	32.681	36.266	2,6	34.212	43.863	13,2	9.363	-30,7
Indonesia	14.667	22.971	11,9	25.604	49.796	39,5	8.740	-47,6
Mexico	16.191	24.002	10,3	23.265	29.035	11,7	7.620	19,8
Thái Lan	17.214	33.255	17,9	24.833	23.580	-2,6	5.304	-23,3
Madagatxca	498	937	17,1	1.068	3.404	78,5	1.742	17,8
Italia	356	3.072	71,4	1.089	4.803	110,1	1.530	-5,6
Canada	6.977	6.012	-3,7	4.739	15.390	80,2	1.489	-68,8
Ruanda	348	1.004	30,3	873	1.638	37,0	1.173	71,4
Tây Ban Nha	49	668	91,7	728	2.631	90,0	1.120	41,9
Campuchia	1.033	6.775	60,0	4.038	4.626	7,0	1.104	-32,0
Pháp	709	1.642	23,3	1.172	2.912	57,6	1.103	160,8
Đài Loan	5.064	7.406	10,0	5.435	5.099	-3,1	997	-12,0
Bangladesh	1.051	2.302	21,7	2.743	4.807	32,4	919	-33,7
Gana	1.973	3.221	13,0	2.848	4.976	32,2	594	-48,4
Burma	321	645	19,0	2.100	1.398	-18,4	441	21,5

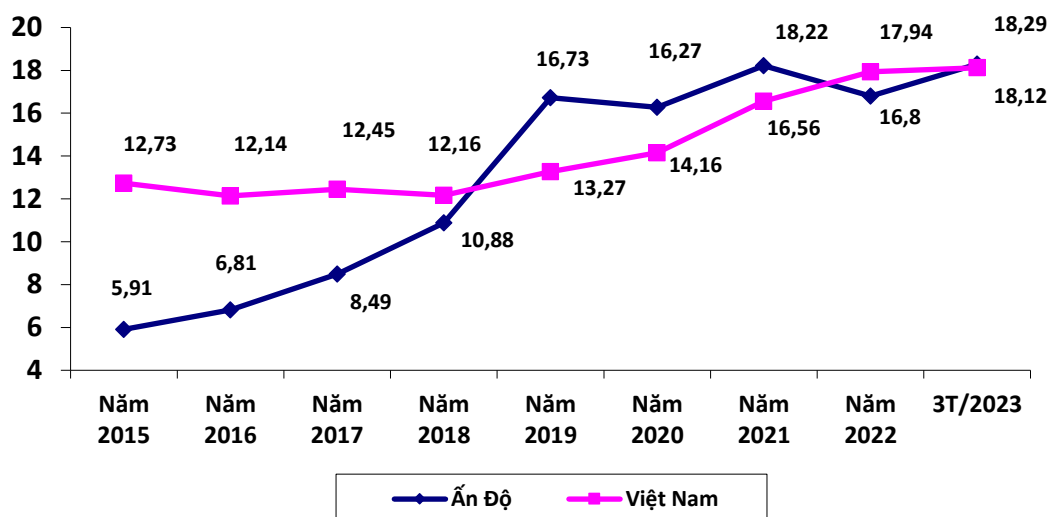
Thị trường	Năm 2015 (nghìn USD)	Năm 2019 (nghìn USD)	Tăng trưởng giai đoạn 2015- 2019 (%)	Năm 2020 (nghìn USD)	Năm 2022 (nghìn USD)	Tăng trưởng giai đoạn 2020- 2022 (%)	3T/2023 (nghìn USD)	So với 3T/2022 (%)
UAE	173	0	-100,0	58	60	1,7	234	-
Pakixtan	181	198	2,2	103	318	75,9	192	502,1
Marôc	174	412	24,0	460	1.042	50,6	168	-27,9
Uganda	96	344	37,7	189	557	71,6	135	-37,1
Malaysia	28	228	68,4	33	64	40,3	132	2.901,6
Pêru	10	273	128,7	606	954	25,4	131	-43,2
Ai Cập	64	346	52,3	427	376	-6,2	125	112,1
Goatêmalà	138	199	9,6	238	314	14,7	100	126,9
Hà Lan	38	48	5,9	27	444	303,2	95	-30,8
Côlombia	44	192	44,1	161	447	66,8	93	10,9
Thổ Nhĩ Kỳ	4	106	130,4	181	262	20,2	86	-30,5
Ba Lan	49	34	-8,5	60	151	59,0	84	78,1

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

Để thay thế các sản phẩm mây tre từ Trung Quốc, các doanh nghiệp đã tăng cường nhập khẩu từ Việt Nam, Ấn Độ, Indonesia, Mexico... Trong đó, đáng chú ý, tỷ trọng nhập khẩu mặt hàng này từ Ấn Độ tăng mạnh, và trong giai đoạn 2019 – 2021 Ấn Độ đã đứng thứ 2 trong số các thị trường cung cấp mây tre cho Mỹ. Năm 2022, tỷ trọng nhập khẩu mây tre của Mỹ từ Ấn Độ giảm xuống 16,8% - đứng sau Trung Quốc và Việt Nam.

Giai đoạn trước năm 2018, Việt Nam là thị trường cung cấp lớn thứ 2 các sản phẩm mây tre cho Mỹ. Giai đoạn 2019 – 2021, nhập khẩu mây tre của Mỹ từ Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng, nhưng tốc độ thấp hơn nhập khẩu từ Ấn Độ nên Việt Nam xếp ở vị trí nhà cung cấp lớn thứ 3 cho thị trường này, sau Trung Quốc và Ấn Độ. Năm 2022, nhập khẩu mây tre của Mỹ từ Ấn Độ giảm mạnh, trong khi nhập khẩu từ Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng, nên Việt Nam đã lấy lại vị trí thứ 2. Trong 3 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu mây tre của Mỹ từ Việt Nam và Ấn Độ đều giảm, và tỷ trọng ở mức tương đương, lần lượt ở mức 18,12% và 18,29%.

Tỷ trọng nhập khẩu sản phẩm mây tre của Mỹ từ Việt Nam và Ấn Độ (%)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

Một số quy định nhập khẩu hàng mây tre lá của Mỹ

Các mặt hàng mây tre lá bao gồm các sản phẩm như: chiếu, màn, rổ, giỏ, làn xách tay, khay, thùng và các đồ dùng khác được đan hoặc bện hoặc làm từ rơm, tre, mây, song, thanh gỗ mỏng, thân thảo, dây băng nhựa.... Nhập khẩu những mặt hàng này vào Mỹ phải tuân theo những luật lệ và quy định sau:

- Quy định của Bộ Nông nghiệp (USDA) về giám định xác xuất hàng tại cảng đến các quy định về nhập khẩu và kiểm dịch;
- Luật liên bang về sâu bệnh ở cây (FPPA);
- Luật kiểm dịch thực vật (PQA);

Theo Luật kiểm dịch thực vật (PQA), Luật về các loài quý hiếm (SEA) và Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật và thực vật hoang dã quý hiếm (CITES), Cơ quan kiểm dịch động thực vật (APHIS) thuộc Bộ Nông nghiệp Mỹ và Cơ quan bảo tồn thủy sản và động vật hoang dã (FWS) sẽ thực hiện các biện pháp kiểm tra để đảm bảo những lô hàng nhập khẩu không được sản xuất từ những loài thực vật có nguy cơ diệt chủng (như cây dương xỉ) hay không chứa những loại sâu bệnh có hại cho ngành nông nghiệp Mỹ. Nếu việc giám định xác xuất của Bộ Nông nghiệp Mỹ phát hiện có côn trùng trong hàng nhập khẩu thì toàn bộ lô

hàng đó phải được xông khói để khử trùng. Trong trường hợp không xử lý được loại côn trùng đó thì lô hàng sẽ bị từ chối nhập khẩu. Tuy nhiên, trên thực tế hầu hết những lô hàng có côn trùng đều có thể xử lý khử trùng và được phép nhập khẩu.

Các loại rổ, rá, giỏ làm từ rơm để dùng ngoài trời sẽ không được nhập khẩu nhưng nếu để dùng trong nhà sẽ được phép nhập khẩu vào Mỹ. Các loại rổ, rá, giỏ... làm từ các vật liệu từ cây ngô không được phép nhập khẩu vào Mỹ.

Những lô hàng làm từ các loài cây quý hiếm chỉ được nhập vào tại cửa khẩu/cảng theo chỉ định của FWS và phù hợp các quy định của FWS và Hải quan về việc phải thông báo hàng đến và giám định hàng tại cảng đến. Các lô hàng làm từ các loại cây quý hiếm còn phải được dán nhãn bên ngoài container với tên và địa chỉ của người xuất khẩu và người nhập khẩu, và mô tả chính xác chủng loại và số lượng của các loài trong container đó.

Triển vọng xuất khẩu

Nguyên nhân xuất mây tre của Việt Nam trong thời gian qua chậm lại, đặc biệt là sang 2 thị trường chủ lực là Mỹ và EU là do lạm phát leo thang ở Mỹ và châu Âu đã ảnh hưởng đến nhu cầu, do người tiêu dùng ưu tiên cho mặt hàng thiết yếu, lương thực thực phẩm hơn là các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, trang trí. Do đó, trong thời gian tới, ngoài các thị trường xuất khẩu truyền thống như Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, doanh nghiệp cũng nên tập trung khai thác thị trường như Ấn Độ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Mexico, Chilê...

Việt Nam có nhiều tiềm năng xuất khẩu mặt hàng mây tre đan. Đây là một trong những mặt hàng luôn có nhu cầu nhập khẩu cao trên trường quốc tế. Nhu cầu tiêu thụ hàng mây tre đã tăng dần trong những năm gần đây.

Trong thời gian tới, để đẩy mạnh hơn nữa xuất khẩu mây tre sang thị trường Mỹ và EU, ngoài các kênh bán hàng truyền thống, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh hơn nữa việc quảng bá, bán hàng trên nền tảng trực tuyến. Thời gian qua, các cơ

quan chức năng và doanh nghiệp đã tăng cường hợp tác với các trang thương mại điện tử toàn cầu như Amazon.com, Alibaba.com, eBay.vn... Tham gia xuất khẩu qua nền tảng trực tuyến, ngoài việc có được cơ hội chốt các đơn hàng xuất khẩu mới, doanh nghiệp Việt Nam còn được cải thiện đáng kể về trình độ thiết kế và sản xuất. Xuất khẩu qua các “nền tảng” thương mại điện tử như Alibaba, Amazon mang lại cơ hội lớn cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ với tiềm lực về tài chính và nhân lực hạn chế.

Các đơn hàng nhập khẩu của Mỹ và châu Âu thường khá lớn, kéo theo các khoản chi phí kinh doanh rất cao. Trong khi đó, đa số các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ của Việt Nam còn nhỏ lẻ, nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc đáp ứng đơn hàng có số lượng lớn và đòi hỏi thời gian giao hàng nhanh. Bên cạnh đó, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ của Việt Nam có mẫu mã chưa phong phú, chủ yếu vẫn dựa vào mẫu mã của người mua hoặc mẫu mã truyền thống có sẵn...

Để thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm mây tre, các doanh nghiệp có thể liên kết với nhau đối với những đơn hàng xuất khẩu lớn để tránh áp lực về vốn và nhân lực. Ngoài ra, khi sản xuất mặt hàng này, doanh nghiệp cần nghiên cứu những giá trị nghệ thuật và đặc tính văn hóa của các nước để lồng ghép vào sản phẩm, chứ không thể áp đặt những giá trị văn hóa của mình trên sản phẩm bán khách hàng nước ngoài.

Với những tín hiệu trên, cơ hội tiếp cận thị trường lớn như Mỹ và EU của hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam đang có rất nhiều thuận lợi. Vấn đề còn lại là sự nỗ lực của chính các cá nhân, doanh nghiệp trong việc phát triển mẫu mã, chất lượng sản phẩm... để sẵn sàng đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của thị trường mà mình hướng tới.